

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KBANG
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 16/10/2024.

“V/v Ly hôn giữa chị Mến và anh Tóc”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Hội.

2. Ông Trần Xuân Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tố Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thuý - Kiểm sát viên (KSV).

Ngày 16/10/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình (HN&GD) thụ lý số: 114/2024/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/9/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐST - HNGĐ ngày 30/9/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị M, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Làng L, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Anh Đinh T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Làng L, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Chị M vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị Đinh Thị M trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T chung sống với nhau từ thời điểm kết hôn tháng 02/2017 (đăng ký kết hôn vào ngày 03/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai), ngày nào anh chị cũng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm sống không đồng nhất, vợ chồng không thể bàn bạc, trao đổi dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài. Vợ chồng đã cố gắng hoà giải, khắc phục nhưng không thể được nên chị mong muốn được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đinh Quốc Đ, sinh ngày 14/4/2017. Chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu thành niên, có khả năng lao động và chị không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Vợ chồng tự thoả thuận với nhau nên chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đinh T mặc dù đã được Tòa án Thông báo về việc thụ lý vụ án; triệu tập làm bản tự khai; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập đến tham gia phiên tòa, tất cả các lần triệu tập đều hợp lệ nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do nên không trình bày được quan điểm về nội dung vụ án.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Đinh Thị M và Đinh T (bản chính); 02 Căn cước công dân mang tên Đinh Thị M và Đinh T (bản sao); 01 Giấy khai sinh mang tên Đinh Quốc Đ (bản sao).

Các tài liệu, chứng cứ được bị đơn giao nộp: Không.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị M và anh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 03/02/2017; chị M và anh T có 01 con chung tên Đinh Quốc Đ, sinh ngày 14/4/2017. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị M giao nộp là Giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/02/2017 mang tên Đinh Thị M và Đinh T (bản chính) và 01 Giấy khai sinh mang tên Đinh Quốc Đ (bản sao).

Tại phiên tòa, KSV phát biểu quan điểm của VKSND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết vụ án như sau:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với nguyên đơn: Đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 6, Điều 96, Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với bị đơn: Không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 6, Điều 96, Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 93, 94, 143, 144, 147, 227, 228, 238; 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, xử cho chị Đinh Thị M được ly hôn với anh Đinh Túc .

Về con chung: Giao cháu Đinh Quốc Đ, sinh ngày 14/4/2017 cho chị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên, có

khả năng lao động. Do chị M không yêu cầu nên anh T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, không đề nghị xem xét.

Về nợ chung: Vợ chồng tự thoả thuận với nhau nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, không đề nghị xem xét.

- Về án phí: Chị M phải chịu theo quy định là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

(*Có kèm bài phát biểu*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đinh Thị M có đơn khởi kiện đề nghị TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị và anh Đinh T có địa chỉ tại làng L, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Nguyên đơn chị M vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh T lần thứ hai vắng mặt tại phiên toà. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 03/01/2017 nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T là hợp pháp nên được pháp luật công nhận.

Chị M trình bày quá trình chung sống vợ chồng anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống không đồng nhất, vợ chồng không thể bàn bạc, trao đổi dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài. Vợ chồng đã cố gắng hoà giải, khắc phục nhưng không thể được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn với nhau.

Về phía bị đơn anh Đinh T, luôn vắng mặt trong các lần Tòa án tổ chức hòa giải, không trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thể hiện tự chối bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Chị M kiên quyết ly hôn nên việc hòa giải cho cho anh chị hàn gắn gia đình không thực hiện được. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật HN&GD năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, xử cho chị M được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị M và anh T có 01 con chung tên Đinh Quốc Đ, sinh ngày 14/4/2017. Chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ cho đến khi cháu thành niên, có khả năng lao động và chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về phía anh T không trình bày quan điểm về con chung. Tuy nhiên, qua xác minh hiện cháu Đ đang được chị M trực tiếp nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu là muốn được mẹ tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, HĐXX xét thấy giao cháu Đ cho chị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành

niên, có khả năng lao động là phù hợp. Do chị M không yêu cầu nên anh T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M trình bày là anh chị không có tài sản chung và có nợ chung nhưng tự thỏa thuận với nhau nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T không có quan điểm về tài sản chung và nợ chung. Do đó, trường hợp có xảy ra tranh chấp về tài sản chung và nợ chung giữa chị M và anh T sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác. Vì vậy, HĐXX không đề cập xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí LHST: Chị M tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 91, 93, 94, 95, 108, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của BLTTDS năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GD năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, xử cho chị Đinh Thị M được ly hôn với anh Đinh Túc .

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Quốc Đ, sinh ngày 14/4/2017 cho chị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên, có khả năng lao động. Do chị M không yêu cầu nên anh T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị M phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí LHST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0002200 ngày

29/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai. Chị M đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

THẨM

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Kbang;
- Chi cục THADS huyện Kbang;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA, VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Thị Hội Nguyễn Văn Thi

Nguyễn Thị Hồng Phương